TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST.

Ngày 31-01-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sang; Ông Phạm Đức Hiển.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hồ Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2017/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXHS-ST ngày 19/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/3/1996, tại xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965, con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 74/2016/HSST ngày 05/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn văn D 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội: "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có". Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến nay. (Có mặt)

2. Vũ Phương N, sinh ngày 16/5/1998, tại xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn I, sinh năm 1968, con bà Chu Thị H, sinh năm 1970. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến nay. (Có mặt)

3. Vũ Minh G, sinh ngày 03/2/1998, tại xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn N, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn D, sinh năm 1974, con bà Đỗ Thị S, sinh năm 1978. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 220/QĐ ngày 26/8/2015 của Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt đối với Vũ Minh G, hình thức phạt tiền 375.000 đồng về hành vi xâm phạm sức khỏe người khác, đã thi hành xong ngày 29/4/2016; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/7/2017 đến nay. (Có mặt)

4. Phạm Bá N, sinh ngày 27/9/1996, tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đình C, sinh năm 1965, con bà Tạ Thị L, sinh năm 1969. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

/ Bị hại: Anh Trần Văn D – sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

/Những người làm chứng:

+ Anh Phạm Minh T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

+ Anh Lê Anh V, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Vũ Văn D, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

+ Anh Lại Tuấn A, sinh năm 1999 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 31, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

+ Trần Thành Q, sinh năm 1996 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T1, huyện V, tỉnh Thái Bình.

***/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

Anh Bùi Văn D – sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 01/7/2017 Nguyễn Văn D, Vũ Phương N, Vũ Minh G và Lại Tuấn A; Vũ Văn D; Trần Thành Q đi theo hướng từ xã M đi thị trấn V để giải quyết mâu thuẫn với một nhóm thanh niên tại thị trấn V. Tuấn A, Vũ Văn D, Q đi trên 01 xe

mô tô do anh Vũ Văn D điều khiển; còn D, N, G đi trên 01 xe mô tô do N điều khiển, G ngồi giữa, D ngồi sau cùng, D cầm 01 thanh kiếm dài khoảng 60cm, bản rộng 4-5cm, phần đầu nhọn, phần lưỡi bằng kim loại. Khi đi đến khu vực nghĩa trang liệt sỹ xã M thuộc địa phận thôn T1, xã M, huyện V lối rẽ vào đường thôn H xã M thì xe của N, G, D suýt va chạm giao thông với một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số đăng ký 17B2 - 334.93 do anh Trần Văn D điều khiển chở anh Phạm Minh T đi ngược chiều. Khi N điều khiển xe đi vào đường bê tông, rẽ vào thôn H, D nghĩ rằng anh Trần Văn D và anh T có chửi mình, D nói với N *"quay lại đuổi đánh hai thằng kia"*. N điều khiển xe mô tô quay lại đuổi theo xe anh Trần Văn D, còn G ngồi giữa nghe rõ D nói và đồng ý nhưng không nói gì. Anh Vũ Văn D điều khiển xe đến đường bê tông vào thôn Huyền Sỹ thì không thấy xe N đâu nên đã dừng lại ở đó đứng lại chờ. N quay xe lại đuổi theo khoảng 100m thì đuổi kịp xe mô tô của anh Trần Văn D và anh T. Khi còn cách xe của anh Trần Văn D khoảng 01 mét, D cầm kiếm bằng tay phải vung kiếm chém về phía anh Trần Văn D nhưng không trúng. Anh Trần Văn D và anh T hoảng sợ, nhảy xuống xe, bỏ xe lại chạy qua máng xây xuống ruộng cỏ ven đường cạnh nghĩa trang liệt sỹ xã M, huyện V. Khi anh Trần Văn D bỏ xe lại, xe mô tô bị đổ nghiêng trái, xe còn nổ máy, đèn xe bật sáng. D nhảy xuống xe cầm kiếm đuổi theo anh Trần Văn D và anh T để chém nhưng khi đuổi được khoảng 02 mét thì bị trượt chân ngã xuống máng, G xuống xe và kéo D lên. N nói *"cái xe kia còn nổ máy có lấy không?"*. D thấy vậy liền đưa kiếm cho G nói *"mày cầm kiếm cho tao để tao lấy chiếc xe này"*. G đồng ý cầm kiếm và lên xe N ngồi. D đi luôn lại dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số đăng ký 17B2 – 334.93 của anh D lên, quay đầu xe phóng nhanh đi. Lúc này anh Trần Văn D chạy xuống ruộng cỏ được khoảng 30 mét thì dừng lại nhìn về hướng xe thì thấy D lấy xe nhưng sợ bị chém nên không dám chạy đến giữ xe và cũng không dám hô hoán, còn anh T chạy và bò theo bờ ruộng đến chỗ anh Trần Văn D. Khi lấy được xe D điều khiển xe về nhà tại thôn T, xã T, thành phố T, còn N và G điều khiển xe theo hướng Uỷ ban nhân dân xã M về nhà, khi về đến xã T1, huyện V, N và G mang thanh kiếm dấu ở bờ mương phía sau trạm quân khí thuộc xã T1 huyện V. D đi về đến khu vực đầu thôn T thì dừng xe, mở cốp xe lấy cờ lê tháo biển số 17B2 – 334.93 và 02 gương chiếu hậu của xe vứt xuống máng nước. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D gọi điện cho N và G đến đầu thôn T xã T thành phố T, hỏi mượn biển số đăng ký xe mô tô của N để gắn vào chiếc xe mô tô vừa chiếm đoạt được, N đồng ý. G lấy cờ lê tháo biển số 17M2-5542 xe N lắp vào chiếc xe trên. Sau đó, D gọi điện cho Phạm Bá N nói *"có con xe thằng em mới nhảy ở xa có mua xe không"*. N biết là xe có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng ham rẻ nên vẫn đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại và hẹn gặp D ở dốc chợ B, xã V. Khi N ra dốc chợ B đợi D thì gặp anh Lê Anh V là em họ của N đi chơi về, N và V đứng nói chuyện. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 02/7/2017 D đi xe mô tô vừa chiếm đoạt được đến khu vực dốc chợ B giao xe cho N, N đưa cho D 2.000.000 đồng và nói *"còn hai triệu sẽ trả sau"*. G và N đi xe mô tô đến đón D; G dùng cờ lê tháo biển số 17M2-5542 lắp lại vào xe của N. N đã nhờ anh V đi

hộ chiếc xe vừa mua về nhà. Ngày 04/7/2017 Cơ quan điều tra đã quản lý chiếc xe mô tô đó tại gia đình bà Tạ Thị B, ở thôn V, xã D, huyện V và quyết định trưng cầu định giá tài sản. Bản Kết luận định giá tài sản số 36/KLHĐ ngày 10/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũ Thư kết luận: Xe mô tô loại xe HONDA-WAVE (không biển kiểm soát) số khung: 390XHY002339 số máy: JA39E0001584 đã qua sử dụng, giá trị tài sản đến thời điểm định giá là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

Bản cáo trạng số 03/KSĐT ngày 27 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Phương N, Vũ Minh G về tội *"Cướp tài sản"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Bá N về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại Trần Văn D và người làm chứng trực tiếp Phạm Minh T khai báo: Khi bị nhóm các bị cáo dùng xe mô tô đuổi theo và áp sát, dùng kiếm chém về phía anh Trần Văn D, anh Trần Văn D và anh T đã rất hoảng sợ, phải vứt xe mô tô lại bỏ chạy xuống ruộng, ngay sau đó khi thấy có người trong số các bị cáo lấy xe mô tô của anh Trần Văn D, các anh không dám kêu, không dám chống cự vì sợ tính mạng, sức khỏe bị xâm hại. Gia đình các bị cáo G, N đã bồi thường cho anh Trần Văn D số tiền 4.000.000đ tổn thất tinh thần, anh Trần Văn D không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo G, N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Văn D khai báo: Anh là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 17B2 – 334.93, cho anh Trần Văn D mượn để đi vào ngày 01/7/2017. Sau khi anh Trần Văn D bị người khác chiếm đoạt chiếc xe, cơ quan Công an đã thu hồi và trả lại anh chiếc xe đó, anh không có yêu cầu bồi thường gì.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Vũ Phương N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017; xử phạt Vũ Minh G từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017; Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt Phạm Bá N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm

dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan điều tra đã quản lý và trả lại cho chủ sở hữu chiếc xe mô tô bị các bị cáo chiếm đoạt; Chấp nhận gia đình các bị cáo G, N đã bồi thường cho anh Trần Văn D số tiền 4.000.000đ tiền tổn thất tinh thần. Buộc bị cáo D phải nộp lại số tiền hưởng thụ bất chính là 2.000.000đ để sung quỹ Nhà nước; Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng đã qua sử dụng quản lý của bị cáo Phạm Bá N vì sử dụng vào việc phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận và nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1] Về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng**:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được Cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp :

- Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là anh Trần Văn D (Bút lục số 02,75 đến số 82)

- Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 02/7/2017 tại đường liên xã thuộc thôn T1, xã M, huyện Vũ Thư. (Bút lục từ số 57 đến số 60)

- Biên bản quản lý đồ vật tài liệu hồi 17 giờ ngày 04/7/2017 tại gia đình bà Tạ Thị B, ở thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Kết luận định giá tài sản số 36/KLHĐ ngày 10/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Vũ Thư , tỉnh Thái Bình. (Bút lục số 73)

- Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn D (Bút luc số 83,84).

- Lời khai của nhưng người làm chứng anh Phạm Minh T, anh Lê Anh V, anh Vũ Văn D, anh Lại Tuấn A, anh Trần Thành Q (Bút lục từ số 253 đến số 272)

- Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay.

Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp vật chứng vụ án đã được quản lý.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 01/7/2017, tại đường liên thôn thuộc địa phận thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Phương N, Vũ Minh G đã có hành vi điều khiển xe mô tô đuổi theo xe mô tô do anh Trần Văn D điều khiển chở phía sau là anh Phạm Minh T, bị cáo D dùng kiếm bằng kim loại chém về phía anh Trần Văn D làm cho anh Trần Văn D sợ hãi, tê liệt ý chí đã bỏ lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số đăng ký 17B2 – 334.93 (trị giá 11.000.000 đồng) để chạy, ngay sau đó các bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô đó. Sau khi lấy được xe mô tô, D mang xe đến dốc chợ B xã V, huyện V bán cho Phạm Bá N với giá 4.000.000 đồng; N không hứa hẹn trước nhưng biết rõ chiếc xe mô tô này do phạm tội mà có vẫn mua để sử dụng làm phương tiện đi lại và đã trả trước cho D 2.000.000đ .

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi chém, đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại là một chiếc kiếm bằng kim loại, được xác định là hung khí nguy hiểm, vì vậy các bị cáo Nguyễn Văn D; Vũ Phương N, Vũ Minh G đã phạm tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Phạm Bá N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh với Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 "Tội cướp tài sản" thì Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khoản quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Văn D; Vũ Phương N, Vũ Minh G.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong đó hành vi phạm tội "Cướp tài sản" của Nguyễn Văn D; Vũ Phương N, Vũ Minh G đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản và quyền nhân thân của anh Trần Văn D; Hành vi phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội

mà có" của Phạm Bá N đã xâm phạm đến trật tự công cộng, đã tiếp tay cho các đối tượng phạm tội khác trong xã hội. Những hành vi đó đã gây mất trật tự trị an xã hội và gây ra dư luận rất bất bình trong cộng đồng dân cư. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Vụ án Nguyễn Văn D; Vũ Phương N, Vũ Minh G "Cướp tài sản" có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo ban đầu có mục đích đuổi theo để đánh anh Trần Văn D, nhưng sau khi D sử dụng kiếm chém, thấy anh Trần Văn D hoảng sợ vứt lại tài sản bỏ chạy, ngay lập tức các bị cáo đã nảy sinh ý định và thống nhất ý chí chiếm đoạt tài sản đó. Bị cáo D là người thực hành tích cực, D trực tiếp dùng kiếm chém anh Trần Văn D, trực tiếp lấy xe mô tô của anh Trần Văn D, điều khiển xe về nhà, trực tiếp liên hệ và giao dịch mua bán xe, vì vậy bị cáo D giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo N là người điều khiển xe mô tô chở G và D đuổi theo xe anh Trần Văn D, khi thấy xe anh Trần Văn D bỏ lại đã khởi xướng hỏi "Xe còn nổ máy, có lấy không", vì vậy bị cáo N có vai trò thứ 2 trong vụ án. Bị cáo G tuy không nói gì nhưng thống nhất ý chí với các bị cáo về việc chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn D, đã thực hiện hành vi giúp sức, cầm kiếm cho D để D trực tiếp chiếm đoạt xe của anh Trần Văn D, sau đó đã tháo biển kiểm soát xe mô tô của xe N lắp sang xe mô tô chiếm đoạt được, vì vậy bị cáo G có vai trò thứ ba trong vụ án.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Các bị cáo N, Phạm Bá N có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo G có một tiền sự đã được xóa. Các bị cáo N, G, Phạm Bá N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo D có một tiền án chưa được xóa án tích, vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo N, G được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 vì các bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Phạm Bá N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 vì phạm tội lần đầu và thuộc trường ít nghiêm trọng.

[**5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:**

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần xử phạt bị cáo D ở

mức đầu khung hình phạt, bị cáo N, G được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo D, N, G phải cải tạo cách ly xã hội một thời gian là phù hợp. Bị cáo Phạm Bá N có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, vì vậy cần áp dụng Điều 33, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 lên cho bị cáo Phạm Bá N một mức án và cho bị cáo Phạm Bá N được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân lương thiện.

[6]Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã quản lý và trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số đăng ký 17B2 - 334.93 cho chủ sở hữu là anh Bùi Văn D là có căn cứ. Anh Bùi Văn D không yêu cầu bồi thường gì khác. Vì vậy cần chấp nhận.

Anh Trần Văn D đã được gia đình các bị cáo G, N bồi thường tổn thất tinh thần là 4.000.000 đồng, anh Trần Văn D không có yêu cầu bồi thường nào khác. Xét việc thỏa thuận bồi thường đó của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 để chấp nhận.

Đối với chiếc biển số 17B2 - 334.93 và 02 chiếc gương chiếu hậu của xe sau khi chiếm đoạt được xe D đã tháo và vứt đi. Chiếc kiếm D dùng để chém anh Trần Văn D, các bị cáo khai đã vứt đi. Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nơi các bị cáo vứt bỏ nhưng chỉ tìm thấy chiếc biển số, còn 02 chiếc gương và chiếc kiếm không tìm thấy.

Đối với chiếc điện thoại của D và của Phạm Bá N dùng liên lạc mua bán chiếc xe mô tô D chiếm đoạt được, đó là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội. Chiếc điện thoại của D, bị cáo đã làm rơi mất vì vậy không thu hồi được. Cơ quan điều tra đã quản lý được chiếc điện thoại của Phạm Bá N , cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 2.000.000đ D bán chiếc xe mô tô chiếm đoạt được, D quản lý mà không chia cho các bị cáo khác, đây là số tiền hưởng thụ bất chính, vì vậy cần buộc D phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Phương N, Vũ Minh G phạm tội "Cướp tài sản"; Bị cáo Phạm Bá N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[2]Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; điều 58; điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 07 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2017;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Vũ Phương N 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2017;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Vũ Minh G 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2017;

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt Phạm Bá N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/01/2018.

Giao bị cáo Phạm Bá N cho UBND xã V, huyện V giám sát giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[**3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47; 48 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã quản lý và trả lại anh Bùi Văn D – sinh năm 1980, cư trú tại: Thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen, biển số đăng ký 17B2 - 334.93.

Chấp nhận việc gia đình các bị cáo Vũ Minh G, Vũ Phương N đã bồi thường cho anh Trần Văn D, sinh năm 1979, cư trú tại: Thôn T1, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình tổn thất tinh thần là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)

Xử tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng đã qua sử dụng quản lý của bị cáo Phạm Bá N.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp số tiền 2.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Vũ Phương N, Vũ Minh G và Phạm Bá N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/01/2018. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Bình

Nơi nhận
- VKSND huyện Vũ Thư, Công an huyện Vũ Thư, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, Thái Bình
- Tòa án tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình
- Các bị cáo.
- Bị hại.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu.